

Bản án số: 21/2025/DSPT

Ngày: 26/6/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLPT- TC ngày 03 tháng 4 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 172/2025/QĐ-PT ngày 25/4/2025 và các Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thế L**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn:

1.1. Ông Trần Hữu T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số A, phường B, quận B, TP. Hồ Chí Minh. Ông Trần Hữu T có mặt tại phiên tòa.

1.2. Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số X, phường Y, quận Z, TP. Hồ Chí Minh. Ông Trịnh Văn T vắng mặt.

2. *Bị đơn:* **Tổng Công ty Cổ phần B**. Địa chỉ trụ sở: Số S, phường N, Quận Q, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Đức H - Chức vụ: Giám đốc pháp lý; Vắng mặt

2.2. Ông Vũ Thanh H - Chức vụ: Chuyên viên Ban bảo hiểm Hàng Hải; Vắng mặt

2.3. Bà Nguyễn Lê Nam P - Chức vụ: Chuyên viên pháp lý. Có mặt

Cùng địa chỉ: Tổng Công ty Cổ phần B - Số S, phường N, Quận Q, thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Bà Hoàng Thị Thanh V – Chức vụ: Phó phòng nghiệp vụ. Địa chỉ: Công ty B Quảng Bình - Số H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt
Theo Giấy ủy quyền số 1585/2024-BM/VP ngày 28/8/2024 của Tổng Công ty Cổ phần B.

2.5. Ông Trần Minh H - Chức vụ: Phó giám đốc Công ty Bảo Minh Quảng Bình; Địa chỉ: Số H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2.2. Ông Nguyễn Huy T - Chức vụ: Phó Giám đốc Ban bảo hiểm Hàng Hải; Địa chỉ: Số S, phường N, Quận Q, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

Theo Giấy ủy quyền số 1030/2025-BM/VP ngày 19/5/2025 của Tổng Công ty Cổ phần B.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V. Địa chỉ trụ sở chính: Số L, phường T, quận B, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đơn vị được ủy quyền: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Chi nhánh huyện Q. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đăng K - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Q (theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam); Địa chỉ: Số Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn D; Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4.2. Ông Nguyễn Khắc C; Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4.3. Ông Nguyễn Thành N; Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

4.4. Ông Trần Minh H, sinh năm 1970, địa chỉ: Công ty B Quảng Bình, số Số H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thế L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19/06/2019, Công ty B Quảng Bình thuộc Tổng Công ty Cổ phần B (sau đây gọi là B) và ông Nguyễn Thế L có ký kết Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 với các nội dung: Người được bảo hiểm: Nguyễn Thế L; tên tàu: QB- 93939-TS; thời hạn bảo hiểm: Từ 00 giờ 00 ngày 21 tháng 6 năm 2019 đến 24 giờ 00 ngày 20 tháng 6 năm 2020; Đối tượng bảo hiểm: Thân tàu: 18.000.000.000 đồng, phí bảo hiểm: 171.000.000 đồng;

Thuyền viên (07 người): 50.000.000 đồng/người/vụ, phí bảo hiểm: 1.750.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, ông Nguyễn Thế L đã đóng phí bảo hiểm đủ và đúng hạn.

Ngày 26/06/2019, tàu cá QB- 93939-TS xuất bến tại Cửa Gianh, Quảng Bình để đi hành nghề khai thác thủy sản. Vào lúc 01 giờ ngày 06/07/2019, trong lúc đang khai thác hải sản tại vùng biển có vị trí tọa độ 17°47'N - 107°15'E thì tàu cá QB- 93939-TS bất ngờ có lửa, khói phát ra từ khu vực cabin và sau đó thì toàn thân tàu bị bốc cháy dữ dội. Ông L cùng các thuyền viên trên tàu đã cố gắng dập lửa nhưng không thể được. Khi không thể cứu vãn được tình hình, ông L cùng các thuyền viên buộc phải thả thúng xuống biển và di chuyển ra xa khỏi vị trí con tàu đang bốc cháy để tránh gây nguy hiểm đến tính mạng. Tàu cá QB- 93939-TS bị gió thổi đi và chìm dần xuống biển tại vị trí tọa độ 17°51'N – 106°59'E vào khoảng 04 giờ cùng ngày.

Ông L và 05 thuyền viên sau đó nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của các chủ tàu cá đang đánh cá vùng lân cận là anh Nguyễn Văn D (chủ tàu QB- 93348TS), anh Nguyễn Khắc C (chủ tàu QB- 93884TS) và anh Nguyễn Thành N (chủ tàu QB- 93860TS) nên đã vào bờ an toàn. Sau khi vào bờ, ông L ngay lập tức đến trình báo sự việc trên với Trạm Kiểm soát Biên phòng Roòn, Đồn Biên phòng Roòn và Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi xảy ra sự cố ông L cũng đã thuê phương tiện tìm kiếm tàu cá nhằm giảm bớt thiệt hại nhưng không có kết quả.

Theo yêu cầu của Công ty B Quảng Bình, ông L đã thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý để khai báo và cung cấp các hồ sơ, tài liệu, giấy tờ cho Công ty B Quảng Bình để yêu cầu bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Ngày 27/10/2020, Tổng Công ty Cổ phần B đã gửi Công văn số 2410/2020-BM/HH thông báo về việc từ chối bồi thường bảo hiểm với lý do tại thời điểm xảy ra sự cố chìm tàu, tàu cá QB- 93939-TS vi phạm điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, cụ thể B cho rằng tại thời điểm xảy ra sự cố, tàu cá QB- 93939TS đang hoạt động chụp mực tại vùng biển có tọa độ được xác định là Vùng Lộng trong khi theo quy định về vùng hoạt động tại Giấy phép khai thác thủy sản được cơ quan có thẩm quyền cấp thì tàu cá QB- 93939-TS chỉ được phép khai thác thủy sản tại Vùng Khơi. Theo đó, tàu cá QB- 93939-TS đã vi phạm về phạm vi khai thác. Mặt khác, căn cứ Điều 44 Mục 3 khoản e của Nghị định 26/2014/NĐ-CP ngày 08/03/2019, tàu có chiều dài trên 24 mét phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trước ngày 01/07/2019 nhưng tại thời điểm xảy ra sự cố thì tàu cá QB- 93939TS vẫn chưa lắp đặt thiết bị này.

Xét thấy, những lý do của B đưa ra để từ chối bồi thường bảo hiểm đối với nguyên đơn là không chính xác. Bởi lẽ, tàu cá QB- 93939-TS đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình vào ngày 22/05/2019 và đơn vị lắp đặt là Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam (VISHIPEL), đã có Biên bản nghiệm thu lắp đặt thiết bị VMS cùng ngày. Sau khi được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình thì đây là chuyến đi biển lần đầu tiên của tàu cá QB-93939-TS, việc thiết bị này không hoạt động hoặc hoạt động không liên tục là sự cố mà bản thân một ngư dân như ông Nguyễn Thế L cũng không thể nắm bắt và hiểu biết được để khắc phục.

Ngoài ra, dựa vào tọa độ tàu QB- 93939-TS bị chìm mà B cho rằng tàu cá QB- 93939-TS khai thác sai vùng so với giấy phép là không khách quan, bởi lẽ tàu QB – 93939-TS đang hoạt động ở vị trí tọa độ 17°47'N - 107°15'E thì xảy ra sự cố, ông L cùng các thuyền viên đã ra khỏi tàu, tại thời điểm đó trên biển có gió đông nam cấp 4 – 5 đẩy tàu đến vị trí tọa độ 17°51'N – 106°59'E thì tàu bị chìm hẳn. Như vậy, vị trí tọa độ 17°51'N - 106°59'E là vị trí tàu chìm chứ không phải là vị trí khi tàu xảy ra sự cố cháy.

Mặt khác, Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định “*Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm*”. Trong khi đó Hợp đồng bảo hiểm mà B đã ký kết với ông Nguyễn Thế L không có điều khoản quy định về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Ngày 11/11/2020, ông Nguyễn Thế L đã làm Đơn kiến nghị đến B và cung cấp các bằng chứng chứng minh rằng tàu cá QB- 93939-TS không vi phạm các điều khoản loại trừ bảo hiểm, đề nghị Tổng Công ty Cổ phần B, Công ty Cổ phần Giám định Thái Dương xem xét lại vụ việc để tàu cá QB- 93939-TS được bồi thường thiệt hại. Ngày 05/02/2021, Bảo Minh có văn bản phản hồi Đơn kiến nghị trên bằng Công văn số 0234/2021- BM/HH với nội dung tiếp tục từ chối bồi thường bảo hiểm.

Do đó, ông Nguyễn Thế L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Tổng Công ty Cổ phần B bồi thường bảo hiểm số tiền 18.000.000.000 đồng cho sự cố tàu cá QB- 93939-TS bị cháy dẫn đến chìm hoàn toàn và tiền lãi do chậm thanh toán số tiền bồi thường theo lãi suất 10%/năm, số tiền lãi tạm tính từ ngày 02/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/10/2022 là 03 năm 03 tháng 02 ngày là: 5.724.540.000 đồng và tiếp tục phải thanh toán tiền lãi phát sinh tương ứng với thời gian chậm bồi thường bảo hiểm.

** Bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần B do bà Nguyễn Lê Nam P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Tổng công ty Cổ phần B thống nhất ý kiến với ông Nguyễn Thế L về ngày ký kết Hợp đồng, nội dung Hợp đồng và ngày xảy ra sự cố.

Theo Tổng công ty Cổ phần B, tàu cá QB-93939-TS của ông Nguyễn Thế L tại thời điểm xảy ra sự cố cháy và chìm toàn bộ đã vi phạm các quy định về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, cụ thể

- *Thứ nhất:* Tàu cá QB- 93939-TS vi phạm vùng hoạt động: Căn cứ lời khai của chủ tàu Nguyễn Thế L, lời khai của các thuyền viên tàu cá QB-93939-TS và lời khai của các chủ tàu tham gia cứu hộ ngay sau thời điểm tàu cá QB-93939-TS xảy ra sự cố cháy, Báo cáo giám định số 114TT/19TD của Công ty Cổ phần giám định Thái Dương kết luận như sau:

“... Tới ngày 05/7/2019, khoảng 19 giờ tàu thả dù giảm trôi và chong đèn đánh bắt tại vị trí tọa độ 17°51'N -.106°59'E. Tàu đánh được 04 dất lưới thì xảy ra sự cố. Khoảng lúc 0 giờ 30 ngày 05/7/2019, tàu kéo dất lưới thứ 04 lên đổ lên mặt xa quạ tàu để các anh em thuyền viên phân loại cá mực. Đến khoảng 1 giờ 00 ngày 06/7/2017, lúc thuyền trưởng, máy trưởng và 04 anh em thuyền viên đang ngồi phân loại cá thì đột ngột đèn điện trên tàu bị tắt, máy đèn tắt. Mọi người chạy

vào cabin kiểm tra thì thấy khói mù mịt trong ca bin và có lửa lò lên từ khe sàn hầm máy...

...Khi tàu QB-93680-TS đến thì tàu QB-93939-TS đã cháy rụi và chìm đắm xuống biển. Tàu QB-93939-TS chìm đắm khoảng 3 giờ 30 đến 4 giờ tại vị trí tọa độ $17^{\circ}51'N$ - $106^{\circ}59'E$...”

Tại Bản tường trình chủ tàu Nguyễn Thế L gửi Đoàn biên phòng Roòn có nội dung: “Đến 01 giờ ngày 06/07/2019 tại vị trí tọa độ $17^{\circ}51'N$ - $106^{\circ}59'E$ trong lúc khai thác hải sản toàn bộ thuyền viên trên tàu ở boong để phân loại hải sản (cá mực)”. Đột nhiên tôi thấy toàn bộ điện trên tàu tắt hết, tôi nhìn vào cabin thấy khói lửa bốc nghi ngút...”

Tại Biên bản giám định hiện trường (tàu cá) lập ngày 07/7/2019, ông Nguyễn Thế L đã trình bày: “ngày 03/06 (AL) tàu chạy ra tiếp tục khai thác, khi ra khai thác tại tọa độ $17^{\circ}51'N$ - $106^{\circ}59'E$ được 04 dất mảnh...”. Theo lời khai của ông Phạm Công Phong – Máy trưởng của tàu cá gặp nạn thì: “ngày 05/07/2019, tàu thả neo tại tọa độ $17^{\circ}51'N$ - $106^{\circ}59'E$ đánh được 04 dất mảnh...”.

Như vậy, đối chiếu với toàn bộ lời khai của các thuyền viên trên tàu và bản tường trình chủ tàu gửi Đoàn Biên phòng Roòn ngay sau thời điểm chủ tàu và các thuyền viên được cứu đưa vào bờ an toàn; lời khai của các chủ tàu cứu hộ thì không có bất kỳ thông tin nào liên quan đến tọa độ $17^{\circ}47'N$ - $107^{\circ}15'E$ mà ông Nguyễn Thế L kiến nghị.

Xét thấy, tại Đơn kiến nghị gửi Bảo Minh ngày 11/11/2020 chủ tàu Nguyễn Thế L trình bày: “Tôi xin khẳng định tàu QB-93939-TS do tôi điều khiển đang hoạt động ở tọa độ $17^{\circ}47'N$ - $107^{\circ}15'E$ vào lúc 1 giờ ngày 06/07/2019 thì tàu xảy ra sự cố cháy...Trước đây tôi có khai báo vị trí $17^{\circ}51'N$ - $106^{\circ}59'E$ là vị trí của tàu chìm hẳn chứ không phải là vị trí khi tàu xảy ra sự cố” và việc ông L cho rằng tàu QB-93939-TS bị gió Đông Nam cấp 4-5 đẩy tàu vào nên dẫn đến có sự thay đổi về vị trí khi xảy ra sự cố cho đến khi tàu chìm hẳn. Tuy nhiên, theo thông tin dự báo thời tiết biển của Vishipel thì vào đêm mùng 05 ngày 06/07/2019, thời điểm xảy ra sự cố có gió Tây Nam cấp 4-5 và gió Tây Nam có xu hướng đẩy tàu ra chứ không đẩy vào (theo xác nhận của giám định viên SICO). Ngoài ra, khi bị sự cố tàu đang thả dù và chủ tàu không thực hiện việc truyền tín hiệu về bờ theo quy định tại Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ. Do đó, vị trí mà chủ tàu khai báo bị sự cố $17^{\circ}47'N$ - $107^{\circ}15'E$ cách vị trí tàu chìm đắm khoảng 15-16 hải lý là không phù hợp và không có căn cứ để chứng minh.

Căn cứ khai báo của những người có liên quan trong Biên bản ghi lời khai thì vị trí mà tàu cá QB-93939-TS xảy ra sự cố cháy và chìm đắm tại tọa độ $17^{\circ}51'N$ - $106^{\circ}59'E$ được thể hiện tại Báo cáo của SICO thì: “Qua kiểm tra trên hải đồ, vị trí này thuộc vùng Lộng (nằm phía trong và cách đường giới hạn tuyến lộng khoảng 08 hải lý.” Xét tại Giấy phép khai thác thủy sản số: 00153/2012/QB-GPKTTTS được Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp ngày 14/06/2019, có giá trị đến ngày 01/5/2024. Tàu QB-93939-TS được cấp phép hành nghề gồm 02 nghề: Nghề chính: Vận chuyển thủy sản; Vùng hoạt động: Biển Việt Nam và Nghề phụ: Chụp mực - Vùng hoạt động: Khơi.

Để có căn cứ xem xét về trách nhiệm bồi thường bảo hiểm và cung cấp chứng cứ cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, B tiếp tục có văn bản gửi Chi cục Thủy sản Quảng Bình về việc đề nghị cung cấp một số thông tin liên quan đến việc khai thác thủy sản. Đến ngày 09/9/2022 B nhận được Công văn số 470/CCTS-HCTT; ngày 16/9/2022 nhận được Công văn 483/CCTS-HCTT của Chi cục thủy sản Quảng Bình có nội dung như sau:

+ *Tọa độ 17°51'N – 106°59'E được xác định là Vùng lõng*

+ *Tọa độ 17°47'N-107°15'E được xác định là Vùng khơi*”

... Hoạt động thủy sản; phân vùng khai thác; quản lý hoạt động của tàu cá trên các vùng biển Việt Nam được quy định cụ thể tại Luật Thủy sản năm 2017 và Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ...

Đối với trường hợp tàu cá đã được cấp Giấy khai thác thủy sản ở Vùng khơi nhưng có căn cứ xác định tàu cá đó đang hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển có tọa độ được xác định là Vùng lõng thì tàu cá đó được xác định là khai thác sai vùng (theo điểm đ, khoản 1, điều 60 của Luật Thủy sản năm 2017) ...”

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ như trên thì vào thời điểm xảy ra tồn thất tàu cá QB-93939-TS đang thực hiện hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển có tọa độ được xác định là vùng Lõng là vi phạm vùng đánh bắt thủy sản.

- *Thứ hai: Tàu cá QB-93939-TS vi phạm quy định về vận hành thiết bị giám sát hành trình:*

Căn cứ điểm g khoản 3 Điều 44 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ thì: “g) Thuyền trưởng phải bảo đảm thiết bị giám sát hành trình tàu cá hoạt động liên tục 24 giờ/24 giờ từ khi tàu cá rời cảng đến khi cập cảng. Trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng, thuyền trưởng phải sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc khác, báo cáo vị trí tàu cá về trung tâm giám sát tàu cá ở trung ương và 28 tỉnh, thành phố, ven biển 06 giờ/lần và phải đưa tàu về cảng để sửa chữa trong 10 ngày kể từ khi thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng;”

Tại Công văn số 40/TCTS-TTTS của Tổng Cục Thủy sản ngày 13/01/2020 thì thiết bị giám sát hành trình của tàu cá QB-93939-TS có tín hiệu cuối cùng vào lúc 12h50 ngày 26/06/2019 tại vị trí tọa độ 17°38.88'N - 106°44.466E, sau thời gian trên, thiết bị không có tín hiệu truyền về hệ thống giám sát tàu cá Movimar. Theo trình bày của ông Nguyễn Thế L thì ngày 01/7/2019 tàu có di chuyển về vịnh Hòn La - Quảng Bình để tránh bão, đến ngày 05/7/2019 hết bão tàu chạy ra tiếp tục khai thác. Như vậy, tàu cá QB-93939-TS có lắp đặt thiết bị giám sát hành trình nhưng thiết bị không hoạt động liên tục 24/24 như quy định.

Căn cứ khoản 6 Điều 7 Luật Thủy sản năm 2017 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thủy sản bao gồm: “*Khai thác thủy sản bất hợp pháp*”. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 60 Luật Thủy sản năm 2017 quy định hành vi được coi là khai thác thủy sản bất hợp pháp bao gồm: *(i) Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ hoặc không vận hành thiết bị thông tin liên lạc và thiết bị giám sát hành trình theo quy định...*”. Như vậy, tại thời điểm xảy ra sự cố tồn thất tàu cá QB-93939-TS vi phạm quy định về việc vận hành thiết bị giám sát là vi

phạm quy định cấm trong hoạt động thủy sản và được xem là hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp theo quy định của Luật Thủy sản.

Căn cứ Mục 5.1.5 và 5.1.6 Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá 2017 quy định: *“Bảo Minh không bồi thường những tổn thất xảy ra trong thời hạn bảo hiểm, kể cả những tổn thất gây ra bởi những rủi ro được bảo hiểm trong những trường hợp dưới đây:*

5.1.5. Tàu được bảo hiểm vi phạm lệnh cấm, lệnh phong tỏa hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc hoạt động kinh doanh trái phép theo quy định của pháp luật;

5.1.6. Vi phạm các qui định của pháp luật về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản, bao gồm nhưng không giới hạn những trường hợp sau đây:”

Từ những cơ sở và lập luận như đã phân tích ở trên, việc B xác định tổn thất của tàu QB-93939-TS ngày 06/07/2019 thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo quy định tại mục 2.1, Điều 2 của Hợp đồng bảo hiểm ngày 19/6/2019, vi phạm mục 5.1.5 và 5.1.6 của Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá 2017 và thông báo từ chối bồi thường là hoàn toàn phù hợp và có cơ sở. Do đó, Tổng Công ty cổ phần B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Chi nhánh huyện Q Bắc Quảng Bình trình bày:*

Về nội dung các bên đương sự có tranh chấp Ngân hàng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngân hàng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các lý do mà nguyên đơn đưa ra để yêu cầu Bảo Minh phải bồi thường là có căn cứ pháp lý, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để nguyên đơn có điều kiện thanh toán nợ, đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thanh T trình bày:* Nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Thế L đã trình bày trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án.

Tàu cá mang số hiệu QB-93939-TS do ông Nguyễn Thế L đứng tên sở hữu là tài sản chung của vợ chồng và chúng tôi đã thế chấp tài sản này để vay vốn đóng tàu tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V Chi nhánh huyện Q Bắc Quảng Bình. Đề nghị B thực hiện trách nhiệm bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết để gia đình tôi có khả năng trả nợ cho Ngân hàng và trang trải cuộc sống đang gặp rất nhiều khó khăn do sự cố chìm tàu vào năm 2019.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để các đương sự có điều kiện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết các tranh chấp trong vụ án nhưng không có kết quả.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế L đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B về buộc bồi thường số tiền bảo hiểm 18.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 5.724.540.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11/10/2022, ông Nguyễn Thế L kháng cáo, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

** Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2023/DS-PT ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:*

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí và quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/3/2023, ông Nguyễn Thế L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 12/KN-DS ngày 26/7/2023 Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2023/DS-PT ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm sửa Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Thế L; buộc Tổng Công ty Cổ phần B bồi thường 18.000.000.000 đồng tiền bảo hiểm cho sự cố tàu cá QB-93939-TS bị cháy và tiền lãi do chậm thanh toán số tiền bồi thường theo thỏa thuận tại Mục 6.4 Điều 6 của Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002.

** Tại Quyết định giám đốc thẩm số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế L.

Buộc Tổng Công ty cổ phần B bồi thường cho ông Nguyễn Thế L số tiền 21.422.465.753 đồng, trong đó bao gồm 18.000.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm và 3.422.465.753 đồng tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế L đối với số tiền lãi là 2.302.074.247 đồng.

Ngoài ra, Quyết định giám đốc thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, phúc thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2023 Tổng Công ty Cổ phần B có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 19/2024/KN-DS ngày 28/3/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Quyết định giám đốc thẩm số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân

dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định giám đốc thẩm nêu trên, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2023/DS-PT ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 35/2024/DS-GĐT ngày 24/6/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 19/2024/KN-DS ngày 28/3/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2023/DS-PT ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 07/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Thế L với bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

*Về kết quả thi hành án đối với Quyết định số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, các đương sự thống nhất thừa nhận việc Chi cục Thi hành án Dân sự TP Đồng Hới đã thi hành án các nội dung sau:

+ Đối với Quyết định thi hành án số 87/QĐ-CCTHADS ngày 20/10/2023, đã thi hành xong khoản: Ông Nguyễn Thế L nộp án phí dân sự sơ thẩm: 39.020.742 đồng (ba mươi chín triệu, không trăm hai mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng). Trả lại cho ông Nguyễn Thế L số tiền là: 27.141.258 đồng (hai mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng).

+ Đối với Quyết định thi hành án số 86/QĐ-CCTHADS ngày 20/10/2023, đã thi hành xong khoản: Tổng Công ty Cổ phần B nộp án phí dân sự sơ thẩm: 129.422.466 đồng (một trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

+ Đối với Quyết định thi hành án số 88/QĐ-CCTHADS ngày 23/10/2023; Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh đã nộp số tiền bồi thường: 21.422.465.753 đồng (hai mươi một tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng) cho ông Nguyễn Thế L. Chi cục THADS thành phố Đồng Hới đã thực hiện chi trả theo đúng quy định của pháp luật.

+ Khoản chưa thi hành án: Khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 21/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế L: Buộc Tổng Công ty Cổ phần B phải bồi thường cho ông Nguyễn Thế L tổng cộng số tiền là: **10.711.232.876 đồng** (trong đó bao gồm 9.000.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm và 1.711.232.876 đồng tiền lãi)

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế L về việc yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B phải bồi thường cho ông Nguyễn Thế L số tiền 9.000.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 ngày 19/6/2019 và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 ngày 19/6/2019 và không chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tiền lãi là 4.013.307.124 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý khoản tiền đã thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo bản án.

* Ngày 05/3/2025 nguyên đơn kháng cáo bản án đề nghị sửa theo hướng chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 04/3/2025 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/6/2025, các bên đương sự không thỏa thuận được, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 21/02/2025 Tòa án nhân thành phố Đồng Hới xét xử và ban hành bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST. Trong thời hạn, các bên đương sự làm đơn kháng cáo đúng trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 19/06/2019, giữa ông Nguyễn Thế L và Công ty B Quảng Bình thuộc Tổng Công ty Cổ phần B có ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 với các nội dung: Người được bảo hiểm: Nguyễn Thế L; tên tàu: QB- 93939-TS; thời hạn bảo hiểm: Từ 00 giờ 00 ngày 21 tháng 6 năm 2019 đến 24 giờ 00 ngày 20 tháng 6 năm 2020; Đối tượng bảo hiểm: Thân tàu: 18.000.000.000 đồng, phí bảo hiểm: 171.000.000 đồng; Thuyền viên (07 người): 50.000.000 đồng/người/vụ, phí

bảo hiểm: 1.750.000 đồng. Hợp đồng bảo hiểm được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, các Điều 12, 13, 14 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Sau khi ký hợp đồng, bên mua bảo hiểm là ông Nguyễn Thế L đã thanh toán tiền phí bảo hiểm đúng thời hạn cho Tổng Công ty cổ phần B nên Hợp đồng bảo hiểm này có hiệu lực kể từ 00 giờ 00 ngày 21 tháng 6 năm 2019, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết. Các bên đều thừa nhận nội dung này, không có tranh chấp.

[2.2]. Ngày 26/6/2019, tàu cá QB-93939-TS xuất bến tại cảng Cửa Gianh, tỉnh Quảng Bình để đi hành nghề khai thác thủy sản. Vào hồi 01 giờ ngày 06/7/2019, trong lúc đang khai thác thủy sản thì tàu cá QB-93939-TS bị bốc cháy và chìm xuống biển vào khoảng 04 giờ cùng ngày.

[2.3]. Xét về vị trí chìm tàu: Nguyên đơn ông Nguyễn Thế L trình bày vào ngày 06/7/2019 tàu cá QB-93939-TS đang hoạt động đánh bắt thủy sản tại tọa độ 17°47'N - 107°15'E thì bắt đầu bốc cháy dữ dội. Trong thời gian cháy khoảng 03 giờ, tàu cá QB-93939-TS đã bị gió Đông Nam đẩy đến tọa độ 17°51'N - 106°59'E mới chìm hẳn.

Nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì: ngay sau khi vào bờ, ông Nguyễn Thế L cùng các thuyền viên trên tàu đã đến trình báo sự việc nêu trên với Trạm kiểm soát Biên phòng Roòn, Đồn Biên phòng Roòn và Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Bản tường trình của ông Nguyễn Thế L và các thuyền viên có nội dung thống nhất là: Tối ngày 05/7/2019, tàu cá QB-93939-TS đánh được 04 dất lưới tại vị trí tọa độ 17°51'N - 106°59'E, đến khoảng 01 giờ 00 ngày 06/7/2019 thì tàu cá bị bốc cháy. Theo lời khai của ông Nguyễn Thế L tại phiên tòa phúc thẩm lần đầu, trước khi trình báo với cơ quan chức năng, ông Nguyễn Thế L cùng năm thuyền viên khác tự trình bày độc lập, riêng biệt về sự cố chìm tàu. Lời khai của sáu người đều thể hiện sự trùng khớp đối với các sự kiện xảy ra. Do đó, lời khai tàu cá QB-93939-TS hoạt động đánh bắt thủy sản tại tọa độ 17°51'N - 106°59'E là trung thực, khách quan. Chỉ sau khi Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh từ chối trách nhiệm bảo hiểm, cả sáu người mới thay đổi lời khai về tọa độ tàu xảy ra sự cố, cho rằng tàu cá QB-93939-TS đang đánh bắt thủy sản tại tọa độ 17°47'N - 107°15'E, sau đó bị cháy và bị gió Đông Nam đẩy tàu vào tọa độ 17°51'N - 106°59'E mới bị chìm hẳn, nhưng theo Báo cáo giám định ngày 28/8/2020 của Công ty Cổ phần Giám định Thái Dương thì thời điểm xảy ra sự cố tàu bị cháy có gió Tây Nam cấp 3-4, có xu hướng đẩy tàu ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định tàu cá QB-93939-TS của ông Nguyễn Thế L khi đang đánh bắt thủy sản tại vùng biển có tọa độ 17°51'N - 106°59'E thì gặp sự cố cháy tàu dẫn đến chìm đắm là có cơ sở.

Tại Công văn số 483/CCTS-HCTT ngày 16/9/2022 của Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình, vị trí tọa độ 17°51'N - 106°59'E được xác định là Vùng Lộng. Theo Giấy phép khai thác thủy sản số 00153/2019/QB-GPKTTT ngày 14/6/2019 do Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp cho ông L thì tàu cá QB-93939-TS được cấp phép khai thác thủy sản ở Vùng Khơi. Nên xác định tàu cá QB-93939-TS khai

thác thủy sản sai vùng, vi phạm vùng hoạt động theo Giấy phép khai thác thủy sản là có cơ sở. Như vậy, tổn thất của tàu cá QB-93939-TS ngày 06/7/2019 thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại mục 2.1 Điều 2 của Hợp đồng bảo hiểm ngày 19/6/2029, vi phạm mục 5.105 và 5.1.6 của Điều khoản bảo hiểm thân tàu do Tổng Công ty Cổ phần B ban hành kèm theo Quyết định số 0001/2017-BM/BHHH ngày 01/01/2017.

[2.4]. Xét về thiết bị giám sát hành trình của tàu cá QB-93939-TS: Ông Nguyễn Thế L trình bày tàu cá của ông đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình vào ngày 22/5/2019, có biên bản nghiệm thu lắp đặt thiết bị của Công ty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam. Sau khi được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình thì đây là chuyến đi biển đầu tiên của tàu cá QB-93939-TS, việc thiết bị này không hoạt động hoặc hoạt động không liên tục là sự cố mà bản thân một ngư dân như ông Nguyễn Thế L cũng không thể nắm bắt và hiểu biết được để khắc phục.

Tại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá do Chi cục Thủy sản Quảng Bình cấp ngày 14/6/2019 thì tàu cá QB-93939-TS của ông Nguyễn Thế Lưu có chiều dài 27 mét, thuộc trường hợp phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình. Mặc dù đã lắp thiết bị đầy đủ và thiết bị giám sát hành trình của tàu cá QB-93939-TS phát tín hiệu cuối cùng vào lúc 12h50 ngày 26/6/2019 tại vị trí tọa độ 17°38.88'N - 106°44.466E, sau thời gian trên, thiết bị không có tín hiệu truyền về hệ thống Giám sát tàu cá Movimar.

Thiết bị giám sát hành trình được gắn trên tàu cá là công cụ để cơ quan chức năng kiểm soát hoạt động của tàu cá đó. Căn cứ điểm e, g khoản 3 Điều 44 Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết về một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản quy định về thiết bị giám sát tàu cá thì: *“Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trước ngày 01 tháng 7 năm 2019”* và *“Thuyền trưởng phải bảo đảm thiết bị giám sát hành trình tàu cá hoạt động liên tục 24 giờ/24 giờ từ khi tàu cá rời cảng đến khi cập cảng. Trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng, thuyền trưởng phải sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc khác, báo cáo vị trí tàu cá về trung tâm giám sát tàu cá ở trung ương và 28 tỉnh, thành phố, ven biển 06 giờ/lần và phải đưa tàu về cảng để sửa chữa trong 10 ngày kể từ khi thiết bị giám sát hành trình tàu cá bị hỏng;”*.

Sau 12h50 ngày 26/6/2019 thiết bị giám sát hành trình tàu cá của ông L không còn truyền tín hiệu đến thời điểm xảy ra sự cố cháy tàu là ngày 06/7/2019, ông L không dùng *thiết bị thông tin liên lạc khác, báo cáo vị trí tàu cá về trung tâm giám sát; mặt khác* trong thời gian này tàu có vào tránh bão tại Cảng Gianh rồi tiếp tục hành trình mà đúng ra *phải đưa tàu về cảng để sửa chữa trong 10 ngày*. Cấp sơ thẩm cho rằng, tàu cá QB-93939-TS không vi phạm về thiết bị giám sát hành trình, việc không truyền tín hiệu về trung tâm giám sát là sự cố ngoài ý muốn, nhận định như trên là chưa chính xác. Mà phải xác định, tàu cá QB-93939 đã vi phạm các quy định về vận hành thiết bị giám sát hành trình được quy định tại khoản 6 Điều 7; điểm i khoản 1 Điều 60 Luật Thủy sản năm 2017; điểm e, g khoản 3 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết về một số điều và

biện pháp thi hành Luật Thủy sản quy định về thiết bị giám sát tàu cá; mục 5.1.6 của Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá.

Từ phân tích ở [2.3] và [2.4] cho thấy tàu cá của ông Nguyễn Thế L đã có những vi phạm thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại mục 2.1 Điều 2 Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết ngày 19/6/2019, vi phạm mục 5.1.5 và 5.1.6 của Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá do Tổng Công ty Cổ phần B ban hành kèm theo Quyết định số 0001/2017-BM/BHHH ngày 01/01/2017.

[2.5]. Về quy định điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm: khoản 2 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 quy định: “Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng”; điểm a khoản 2 Điều 17 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 quy định: “Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ: Giải thích cho bên mua bảo hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm”.

Tại mục 2.1 Điều 2 của Hợp đồng bảo hiểm ngày 19/6/2019 giữa ông Nguyễn Thế L và Công ty B Quảng Bình không ghi rõ các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm mà chỉ ghi phạm vi bảo hiểm mọi rủi ro thân tàu theo Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá do Tổng Công ty Cổ phần B ban hành kèm theo Quyết định số 0001/2017-BM/BHHH ngày 01/01/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Minh H (là nhân viên của Công ty B Quảng Bình, người trực tiếp giao dịch bán bảo hiểm cho ông Nguyễn Thế L) có lời khai là đã giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm về các điều khoản bảo hiểm thân tàu cá (viết tắt là Điều khoản bảo hiểm) theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000. Tại phiên tòa phúc thẩm lần đầu, ông H trình bày: trước khi ký kết Hợp đồng thì hai bên trao đổi qua điện thoại. Sau khi ký kết, ông H chuyển Hợp đồng bảo hiểm cho ông L bằng gửi xe buýt, nhưng không gửi kèm theo bản Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá ban hành kèm theo Quyết định số 0001/2017-BM/BHHH có quy định về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm; ông H gửi cho ông L bản Điều khoản bảo hiểm bằng file pdf, không gửi bản giấy. Tuy nhiên, ông L xác định không nhận được bản Điều khoản bảo hiểm, Tổng Công ty Cổ phần B không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã giao bản Điều khoản bảo hiểm cho ông L.

Nhưng về phía ông Nguyễn Thế L: tại mục 2.1 Điều 2 của Hợp đồng bảo hiểm ngày 19/6/2019 giữa ông Lưu và Công ty B Quảng Bình quy định phạm vi bảo hiểm mọi rủi ro thân tàu theo Điều khoản bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 0001/2017-BM/BHHH ngày 01/01/2017 của Tổng Công ty Cổ phần B. Tại điểm b khoản 1 Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 quy định quyền của bên mua bảo hiểm: “Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm”. Ông L đã không tìm hiểu và cũng không yêu cầu Công ty B Quảng Bình giải thích rõ về các điều khoản bảo hiểm. Mặt khác, tại Giấy yêu cầu bảo hiểm tàu cá ngày 19/6/2019 của ông Nguyễn Thế L có ghi rõ “Sau khi được cung cấp các điều khoản và/hoặc qui tắc bảo hiểm cũng như được tư vấn đầy đủ về sản phẩm bảo hiểm liên quan, tôi xin cam kết những điều kê khai trên đây về mọi phương diện là chính xác và đúng sự thật, không che dấu bất cứ một thông tin nào

làm ảnh hưởng đến việc nhận bảo hiểm”. Ông L đã ký tên và thừa nhận là chữ ký của mình trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.

[2.5]. Từ phân tích và nhận định ở các mục [2.3], [2.4] và [2.5] thì các bên đều có lỗi và mức độ lỗi là tương đương nhau 50/50. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 9.000.000.000đ tức 50% giá trị bảo hiểm là hoàn toàn có cơ sở.

[2.6]. Về phần yêu cầu tính lãi:

Theo thỏa thuận tại Mục 6.4 Điều 6 của Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 ngày 19/6/2019: *“Sau 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khiếu nại, nếu Bảo Minh không yêu cầu gì thêm thì hồ sơ khiếu nại được coi là đầy đủ và hợp lệ. Thời hạn bồi thường: Bảo Minh có trách nhiệm bồi thường tổn thất trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Quá thời hạn trên mà Bảo Minh không trả lời bằng văn bản hoặc không giải quyết thì chủ tàu có quyền yêu cầu Bảo Minh phải thanh toán số tiền bồi thường, cộng lãi suất vay Ngân hàng quá hạn của số tiền bồi thường cho thời gian chậm thanh toán”*. Như vậy, ngày 27/10/2020 Tổng Công ty Cổ phần B ban hành Công văn số 2410/2020/BH-HH có nội dung từ chối giải quyết bồi thường cho ông L nên ngày 27/10/2020 được xác định là ngày B đã nhận được hồ sơ hợp lệ và sau 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ tức là ngày 12/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm - ngày 07/10/2022 (ngày nguyên đơn yêu cầu) thì Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu lãi suất đối với số tiền bồi thường tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS là $9.000.000.000 \times 694 \text{ ngày} \times 10\%/365 = \mathbf{1.711.232.876 \text{ đồng}}$. Do đó, HĐXX không chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tiền lãi là **4.013.307.124 đồng**.

[2.7]. Tổng Công ty Cổ phần B phải bồi thường cho ông Nguyễn Thế L tổng cộng số tiền là: **10.711.232.876 đồng** (9.000.000.000 đồng + 1.711.232.876 đồng). Nhưng theo Quyết định số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Quyết định thi hành án số 88/QĐ-CCTHADS ngày 23/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới: Tổng công ty Cổ phần B đã nộp số tiền bồi thường: 21.422.465.753 (hai mươi một tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi ba) đồng cho ông Nguyễn Thế L. Chi cục THADS thành phố Đồng Hới đã thực hiện chi trả hết theo đúng quy định của pháp luật (trong đó bao gồm 18.000.000.000 (mười tám tỷ) đồng theo Hợp đồng bảo hiểm và 3.422.465.753 đồng (ba tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng) tiền lãi. Do đó, ông Nguyễn Thế L phải hoàn lại số tiền **10.711.232.877** (mười tỷ, bảy trăm mười một triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy) đồng cho Tổng Công ty Cổ phần B.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí sơ thẩm có giá ngạch:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền

10.711.232.876 đồng mà nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận là $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% (6.711.232.876) = \mathbf{118.711.233 \text{ đồng}}$. Nhưng theo Quyết định số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Quyết định thi hành án số 86/QĐ-CCTHADS ngày 20/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, Tổng Công ty Cổ phần B đã thi hành xong số tiền 129.422.466 (một trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng. Do đó, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B được nhận lại số tiền **10.711.233 đồng**.

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền **13.013.307.124 đồng** do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% (9.013.307.124) = \mathbf{121.013.307 \text{ đồng}}$. Xét ông Nguyễn Thế L là người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến điều kiện kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình thuộc trường hợp được xem xét giảm 50% mức án phí phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Do đó, ông Nguyễn Thế L phải chịu án phí 50% là **60.507.000 đồng**. Nhưng theo Quyết định số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Quyết định thi hành án số 87/QĐ-CCTHADS ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, Ông Nguyễn Thế L đã nộp án phí dân sự sơ thẩm: **39.020.742** (ba mươi chín triệu, không trăm hai mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi hai) đồng; Vì được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp **65.862.000 đồng** (31.500.000 đồng theo Biên lai thu phí, lệ phí số 31AA/2021/0001252 ngày 15/6/2022; 28.332.000 đồng theo Biên lai thu phí, lệ phí số 31AA/2021/0001274 ngày 10/8/2022; 6.030.000 đồng theo Biên lai thu phí, lệ phí số 0089083 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình) và ông L đã được nhận lại 26.841.258 đồng. Do đó ông Nguyễn Thế L còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch còn thiếu là **21.486.258** (hai mươi một triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi tám) đồng.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bên đương sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

- Ông Nguyễn Thế L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001294 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trả lại cho ông Nguyễn Thế L số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu phí, lệ phí Tòa án số 0001582 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu phí, lệ phí Tòa án số 0001586 ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của các bên đương sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 21-02-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng Điều 116, 117, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 12, 13, 14, 15, 16 và Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Điều 50, 60 Luật thủy sản năm 2017; điểm e, g khoản 3 Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định thi hành Luật thủy sản 2017;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế L:

Buộc Tổng Công ty cổ phần B phải bồi thường cho ông Nguyễn Thế L tổng cộng số tiền là: **10.711.232.876 đồng** (trong đó bao: gồm 9.000.000.000 đồng tiền bảo hiểm và 1.711.232.876 đồng tiền lãi) theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 ngày 19/6/2019 và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 ngày 19/6/2019. Nhưng theo Quyết định số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Quyết định thi hành án số 88/QĐ-CCTHADS ngày 23/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới: Tổng công ty cổ phần B đã thi hành số tiền bồi thường: 21.422.465.753 (hai mươi một tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi ba) đồng cho ông Nguyễn Thế L. Chi cục THADS thành phố Đồng Hới đã thực hiện chi trả hết theo đúng quy định của pháp luật (trong đó bao gồm 18.000.000.000 đồng tiền bảo hiểm và 3.422.465.753 đồng tiền lãi). Do đó, ông Nguyễn Thế L phải hoàn trả lại số tiền **10.711.232.877** (mười tỷ, bảy trăm mười một triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy) đồng cho Tổng Công ty cổ phần B.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế L về việc yêu cầu Tổng Công ty cổ phần B phải bồi thường cho ông Nguyễn Thế L số tiền 9.000.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 ngày 19/6/2019 và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số AD: 0134/19B352002 AD: 0177/19IN52002 ngày 19/6/2019 và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tiền lãi là 4.013.307.124 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1]. Về án phí sơ thẩm có giá ngạch:

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền **10.711.232.876 đồng** mà nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận là $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% (6.711.232.876) = \mathbf{118.711.233 \text{ đồng}}$. Nhưng theo Quyết định số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Quyết định thi hành án số 86/QĐ-CCTHADS ngày 20/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, Tổng Công ty Cổ phần B đã thi hành xong số tiền 129.422.466 (một trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng. Do đó, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B được nhận lại số tiền **10.711.233 đồng**.

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền **13.013.307.124 đồng** do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% (9.013.307.124) = \mathbf{121.013.307 \text{ đồng}}$. Xét ông Nguyễn Thế L là người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến điều kiện kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình thuộc trường hợp được xem xét giảm 50% mức án phí phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Do đó, ông Nguyễn Thế L phải chịu án phí 50% là **60.507.000 đồng**. Nhưng theo Quyết định số 35/2023/DS-GĐT ngày 19/9/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Quyết định thi hành án số 87/QĐ-CCTHADS ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, ông Nguyễn Thế L đã nộp án phí dân sự sơ thẩm: **39.020.742** (ba mươi chín triệu, không trăm hai mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi hai) đồng; Vì được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp **65.862.000 đồng** (31.500.000 đồng theo Biên lai thu phí, lệ phí số 31AA/2021/0001252 ngày 15/6/2022; 28.332.000 đồng theo Biên lai thu phí, lệ phí số 31AA/2021/0001274 ngày 10/8/2022; 6.030.000 đồng theo Biên lai thu phí, lệ phí số 0089083 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình) và ông L đã được nhận lại 26.841.258 đồng. Do đó ông Nguyễn Thế L còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch còn thiếu là **21.486.258** (hai mươi một triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi tám) đồng.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bên đương sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

- Ông Nguyễn Thế L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo

Biên lai thu phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001294 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trả lại cho ông Nguyễn Thế L số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu phí, lệ phí Tòa án số 0001582 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu phí, lệ phí Tòa án số 0001586 ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/6/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA TP. Đồng Hới;
- TAND TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn